

VIỆN HÀN LÂM  
KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM  
HỌC VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI

TRẦN XUÂN QUANG

**LIÊN KẾT PHÁT TRIỂN DU LỊCH  
VÙNG BẮC TRUNG BỘ**

**LUẬN ÁN TIẾN SỸ KINH TẾ**

HÀ NỘI - 9/2020

VIỆN HÀN LÂM  
KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM  
HỌC VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI

TRẦN XUÂN QUANG

**LIÊN KẾT PHÁT TRIỂN DU LỊCH  
VÙNG BẮC TRUNG BỘ**

Ngành: Quản lý kinh tế

Mã số: 9.34.04.10

**LUẬN ÁN TIẾN SỸ KINH TẾ**

*Người hướng dẫn khoa học:*

1. PGS.TS. Nguyễn Đình Long
2. TS. Nguyễn Thị Minh Phượng

HÀ NỘI - 9/2020

## MỤC LỤC

MỞ ĐẦU .....	1
<b>Chương 1 TỔNG QUAN VẤN ĐỀ NGHIÊN CỨU CÓ LIÊN QUAN ĐẾN LUẬN ÁN .....</b>	<b>11</b>
<b>1.1. Tổng quan một số công trình nghiên cứu liên quan liên kết và liên kết phát triển vùng .....</b>	<b>11</b>
1.1.1. Các nghiên cứu liên quan đến liên kết .....	11
1.1.2. Các nghiên cứu liên quan đến liên kết .....	13
<b>1.2. Tổng quan về một số công trình nghiên cứu phát triển du lịch và liên kết phát triển du lịch.....</b>	<b>15</b>
<b>1.3. Những vấn đề rút ra.....</b>	<b>24</b>
<b>Chương 2 CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN VỀ LIÊN KẾT PHÁT TRIỂN DU LỊCH .....</b>	<b>26</b>
<b>2.1 Du lịch, liên kết, liên kết phát triển du lịch – Một số khái niệm và cách tiếp cận .....</b>	<b>26</b>
2.1.1. Du lịch, phát triển du lịch, phát triển du lịch bền vững.....	26
2.1.2. Vùng, liên kết, liên kết phát triển du lịch .....	28
2.1.3. Mục tiêu, nguyên tắc và phạm vi của liên kết vùng trong phát triển du lịch.....	31
2.1.4. Điều kiện liên kết vùng trong phát triển du lịch.....	37
<b>2.2. Nội dung về liên kết phát triển du lịch .....</b>	<b>40</b>
2.2.1. Liên kết tuyên truyền, quảng bá và xúc tiến xây dựng thương hiệu du lịch .....	40
2.2.2. Liên kết xây dựng sản phẩm du lịch, chương trình du lịch (tour du lịch) chung của toàn vùng .....	40
2.2.3. Liên kết đào tạo và phát triển nguồn nhân lực .....	41
2.2.4. Liên kết xây dựng đồng bộ hạ tầng du lịch, đặc biệt là hạ tầng giao thông .....	42
2.2.5. Liên kết huy động vốn đầu tư và xây dựng cơ chế chính sách đầu tư phát triển du lịch chung của vùng, rà soát quy hoạch phát triển du lịch phù hợp với thể mạnh của từng địa phương.....	42

2.2.6. Liên kết hợp tác nâng cao năng lực cạnh tranh du lịch .....	43
<b>2.3. Các nhân tố ảnh hưởng đến liên kết phát triển du lịch .....</b>	<b>43</b>
<b>2.4. Kinh nghiệm về liên kết phát triển du lịch và bài học kinh nghiệm cho các tỉnh Bắc Trung Bộ .....</b>	<b>45</b>
2.4.1. Kinh nghiệm của một số nước trong khu vực .....	45
2.4.2. Kinh nghiệm của một số địa phương trong nước .....	50
2.4.3. Bài học rút ra cho các tỉnh Bắc Trung Bộ .....	54
<b>Chương 3: THỰC TRẠNG LIÊN KẾT PHÁT TRIỂN DU LỊCH TẠI CÁC TỈNH VÙNG BẮC TRUNG BỘ .....</b>	<b>58</b>
<b>3.1. Tiềm năng và lợi thế của du lịch vùng Bắc Trung Bộ .....</b>	<b>58</b>
3.1.1. Vị trí địa lý.....	58
3.1.2. Tài nguyên du lịch .....	58
3.1.3. Cơ sở hạ tầng.....	59
3.1.4. Vị trí Vùng du lịch Bắc Trung Bộ trong chiến lược phát triển du lịch của cả nước và quốc tế .....	59
3.1.5. Thực trạng phát triển du lịch vùng Bắc Trung Bộ .....	61
<b>3.2. Thực trạng liên kết phát triển du lịch vùng Bắc Trung Bộ .....</b>	<b>63</b>
3.2.1. Liên kết tuyên truyền quảng bá và xúc tiến du lịch .....	63
3.2.2. Liên kết phát triển sản phẩm du lịch .....	67
3.2.3. Liên kết đào tạo và phát triển nguồn nhân lực .....	69
3.2.4. Liên kết xây dựng đồng bộ hạ tầng du lịch, đặc biệt là hạ tầng giao thông ..	71
3.2.5. Liên kết huy động vốn đầu tư và xây dựng cơ chế chính sách đầu tư phát triển du lịch chung của vùng, rà soát quy hoạch phát triển du lịch phù hợp với thế mạnh của từng địa phương.....	72
3.2.6. Liên kết hợp tác nâng cao năng lực cạnh tranh du lịch.....	75
<b>3.3. Phân tích mô hình các nhân tố ảnh hưởng đến liên kết phát triển du lịch ở Bắc Trung Bộ .....</b>	<b>79</b>
3.3.1. Khái quát về mô hình .....	79
3.3.2. Xây dựng thang đo và thiết kế bảng hỏi.....	81
3.3.3. Kết quả đánh giá dựa trên phần gốc của mô hình .....	82
3.3.5. Kiểm định độ tin cậy của mô hình .....	104

3.3.6. Đánh giá điểm mạnh, điểm yếu về liên kết phát triển du lịch vùng Bắc Trung Bộ .....	108
<b>3.4. Đánh giá chung</b> .....	111
3.4.1. Kết quả đạt được.....	111
3.4.2. Những hạn chế và nguyên nhân .....	112
<b>Chương 4: QUAN ĐIỂM, ĐỊNH HƯỚNG VÀ GIẢI PHÁP TĂNG CƯỜNG LIÊN KẾT PHÁT TRIỂN DU LỊCH TẠI CÁC TỈNH VÙNG BẮC TRUNG BỘ</b> .....	120
<b>4.1. Quan điểm và định hướng liên kết phát triển du lịch vùng Bắc Trung Bộ</b> ....	120
4.1.1. Quan điểm .....	120
4.1.2. Định hướng liên kết phát triển du lịch vùng Bắc Trung Bộ.....	121
<b>4.2. Giải pháp tăng cường liên kết phát triển du lịch tại các tỉnh vùng Bắc Trung Bộ</b> .....	126
4.2.1. Xây dựng chiến lược hợp tác liên kết vùng du lịch Bắc Trung Bộ.....	126
4.2.2. Giải pháp liên kết xúc tiến quảng bá và phát triển thương hiệu du lịch vùng Bắc Trung bộ .....	127
4.2.3. Đẩy mạnh huy động vốn đầu tư phát triển du lịch Bắc Trung bộ.....	132
4.2.4. Phát triển nguồn nhân lực du lịch vùng Bắc Trung Bộ.....	134
4.2.5. Liên kết phát triển du lịch trong mô hình quản lý điểm đến .....	136
<b>KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ</b> .....	139
<b>DANH MỤC CÔNG TRÌNH CÔNG BỐ CỦA TÁC GIẢ</b> .....	142
<b>TÀI LIỆU THAM KHẢO</b> .....	143
<b>PHỤ LỤC</b> .....	160

## DANH MỤC BẢNG

Bảng 1.1. Phân bố phòng vấn du khách tại điểm khảo sát.....	6
Bảng 3.1. Chuyển dịch cơ cấu kinh tế Bắc Trung Bộ thời kỳ 2011 - 2018.....	60
Bảng 3.2. Lượng khách du lịch đến các tỉnh vùng Bắc Trung Bộ.....	58
Bảng 3.3. Doanh thu từ du lịch của các tỉnh trong vùng Bắc Trung Bộ.....	60
Bảng 3.4. Số lượng buồng lưu trú du lịch của các tỉnh trong vùng Bắc Trung Bộ.....	61
Bảng 3.5. Số lượng lao động du lịch của các tỉnh trong vùng Bắc Trung Bộ.....	62
Bảng 3.6. Huy động vốn từ khu vực tư nhân cho phát triển du lịch trên địa bàn các tỉnh Bắc Trung Bộ (2011 – 2018).....	74
Bảng 3.7. Hiện trạng hợp tác, liên kết du lịch vùng Bắc Trung Bộ.....	76
Bảng 3.8. Đặc điểm cá nhân của chuyên gia được hỏi ý kiến.....	83
Bảng 3.9. Đánh giá về các tài nguyên phát triển du lịch các tỉnh Bắc Trung Bộ.....	84
Bảng 3.10. Đánh giá về các tài nguyên thừa kế.....	85
Bảng 3.11. Đánh giá về các tài nguyên tạo thêm.....	85
Bảng 3.12. Đánh giá về các yếu tố phụ trợ.....	86
Bảng 3.13. Đánh giá về liên kết phát triển của chính quyền tỉnh đối với du lịch tại vùng Bắc Trung Bộ.....	88
Bảng 3.14. Đánh giá về các điều kiện hoàn cảnh.....	91
Bảng 3.15. Đánh giá về thị trường.....	92
Bảng 3.16. Đánh giá về kết quả hoạt động du lịch.....	93
Bảng 3.17. Đặc điểm nhân khẩu học của du khách được điều tra.....	94
Bảng 3.18. Tỷ trọng du khách theo nghề nghiệp.....	95
Bảng 3.19. Tỷ trọng du khách theo địa phương.....	96
Bảng 3.20. Mục đích chuyến thăm của du khách.....	97
Bảng 3.21. Số lần đi du lịch vùng Bắc Trung Bộ.....	97
Bảng 3.22. Hình thức tổ chức chuyến đi.....	97
Bảng 3.23. Hình thức thu thập thông tin về du lịch các tỉnh vùng Bắc Trung Bộ.....	98
Bảng 3.24. Phương tiện giao thông.....	98
Bảng 3.25. Mức chi tiêu.....	98
Bảng 3.26. Khoản chi tiêu tốn kém nhất.....	99

Bảng 3.27. Đánh giá về sản phẩm/điểm thu hút du lịch .....	99
Bảng 3.28. Đánh giá về an ninh, trật tự, môi trường xã hội.....	101
Bảng 3.29. Đánh giá về vệ sinh, môi trường.....	101
Bảng 3.30. Đánh giá về cơ sở hạ tầng, tiện ích.....	101
Bảng 3.31. Đánh giá về giá cả.....	102
Bảng 3.32. Đánh giá về độ tin cậy, cởi mở, chuyên nghiệp của cư dân, nhân viên, cán bộ bản địa.....	103
Bảng 3.33. Đánh giá về thương hiệu điểm đến du lịch vùng Bắc Trung Bộ .....	103
Bảng 3.34. Kết quả phân tích hệ số Cronbach Alpha phân gốc của mô hình.....	104
Bảng 3.35. Kết quả phân tích nhân tố khám phá phân gốc của mô hình.....	106

## DANH MỤC HÌNH, SƠ ĐỒ, BIỂU ĐỒ

Sơ đồ 1.1: Mô hình liên kết phát triển du lịch vùng Bắc Trung Bộ.....	4
Hình 2.1: Các bên tham gia trong các hoạt động du lịch.....	31
Hình 2.2: Các phạm vi của hợp tác, liên kết vùng trong phát triển du lịch .....	35
Sơ đồ 2.1: Các nhân tố ảnh hưởng đến liên kết phát triển du lịch .....	45
Biểu đồ 3.1. So sánh chuyển dịch cơ cấu kinh tế Bắc Trung Bộ giai đoạn 2011 - 2018 .....	60
Biểu đồ 3.2. So sánh lượng khách du lịch nội địa đến các tỉnh vùng Bắc Trung Bộ qua các năm (ĐVT: lượt khách).....	59
Biểu đồ 3.3. So sánh lượng khách du lịch quốc tế đến các tỉnh vùng Bắc Trung Bộ qua các năm (ĐVT: lượt khách).....	59
Biểu đồ 3.4. So sánh lượng buồng lưu trú du lịch của các tỉnh vùng Bắc Trung Bộ qua các năm (ĐVT: buồng).....	61
Biểu đồ 3.5. So sánh lao động du lịch của các tỉnh vùng Bắc Trung Bộ qua các năm .....	63
Biểu đồ 3.6. So sánh huy động vốn từ khu vực tư nhân cho phát triển du lịch trên địa bàn các tỉnh Bắc Trung Bộ .....	74



## MỞ ĐẦU

### 1. Tính cấp thiết của đề tài

Du lịch là một ngành kinh tế tổng hợp quan trọng, mang nội dung văn hóa sâu sắc, có tính liên kết ngành, liên vùng và xã hội hóa cao. Liên kết là một yếu tố không thể thiếu trong phát triển du lịch. Liên kết góp phần phát huy tối đa lợi thế của các chủ thể liên kết, tạo sự đa dạng, phong phú sản phẩm du lịch, giảm thiểu khiếm khuyết, tạo sự bổ sung, hỗ trợ lẫn nhau giữa các điểm đến, thúc đẩy phát triển du lịch.

Liên kết vùng cũng như liên kết vùng du lịch bao hàm liên kết phát triển nội vùng và phát triển liên vùng. Du lịch là ngành kinh tế tổng hợp chịu sự tác động của nhiều ngành, đồng thời chịu ảnh hưởng của nhiều cấp theo chiều dọc và chiều ngang. Liên kết phát triển du lịch vùng cho phép khai thác lợi thế về tài nguyên du lịch, về cơ sở hạ tầng và các nguồn lực khác của các địa phương và doanh nghiệp tham gia liên kết. Mặt khác phát triển liên kết vùng du lịch còn là nhân tố quan trọng để làm tăng khả năng cạnh tranh, thu hút các nguồn lực đầu tư cho du lịch, thu hút khách du lịch đến vùng du lịch với tư cách là một điểm đến thống nhất và đến lãnh thổ của từng địa phương liên kết. Liên kết phát triển du lịch đã hình thành và phát triển từ nhiều năm trước đây. Ngay từ khi Việt Nam chuyển sang nền kinh tế thị trường, khả năng đi lại, giao thương giữa các vùng, miền trở nên thuận lợi, cùng với sự phát triển kinh tế - xã hội, vấn đề liên kết phát triển du lịch đã được đặt ra và ngày càng trở nên cấp thiết. Trước đây, sự liên kết thường tập trung giữa các địa phương, điểm đến du lịch có khoảng cách gần về địa lý, thuận lợi về giao thông. Ngày nay, liên kết phát triển du lịch được thực hiện theo nhiều chiều, không chỉ giữa những điểm đến liền kề mà cả những điểm đến xa có chung định hướng phát triển; không chỉ giữa hai hay một vài điểm đến, địa phương mà còn giữa các vùng, miền; không chỉ liên kết trong phạm vi quốc gia mà còn liên kết giữa các quốc gia trong một khu vực (ví dụ như liên kết giữa các quốc gia ASEAN trong phát triển du lịch).

Chính vì vậy, ngành du lịch Việt Nam được Đảng, Nhà nước xác định là ngành kinh tế quan trọng và được xác định tập trung nguồn lực để đến năm 2020 trở thành ngành kinh tế mũi nhọn tại Nghị quyết số 08-NQ/TW ngày 16/01/2017 của Bộ Chính trị về phát triển du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn [4]. Trong các Nghị quyết của Đảng và trong Quy hoạch tổng thể phát triển du lịch Việt Nam đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 201 ngày 22/01/2013 [16] và Quyết định số 2161/QĐ - TTg ngày 11/11/2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt "quy hoạch tổng thể phát triển du lịch vùng Bắc Trung Bộ đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030" đã xác định: đến năm 2020, du lịch cơ bản trở thành ngành kinh tế mũi nhọn, có tính chuyên nghiệp, cạnh tranh được với các nước trong khu vực và thế giới. Đồng thời, cũng đã khẳng định vị trí, vai trò quan

trọng của du lịch vùng Bắc Trung Bộ trong Chiến lược phát triển du lịch Việt Nam, góp phần kết nối với các vùng du lịch trong nước, trong khu vực và quốc tế.

Khu vực Bắc Trung Bộ gồm 06 tỉnh Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Bình, Quảng Trị và Thừa Thiên – Huế, có dân số trên 10 triệu người với 25 dân tộc anh em cùng sinh sống; Là vùng có khá nhiều tiềm năng, lợi thế phát triển du lịch đặc thù, đặc sắc mà các vùng khác không có. Thứ nhất, đây là vùng duy nhất có kế cấu địa phương trải dài liên tục, từ Thanh Hóa vào đến Thừa Thiên Huế, các tỉnh nối liền một dải, một tỉnh chỉ tiếp giáp với hai tỉnh hai đầu, trừ Thừa Thiên – Huế tiếp giáp với 3 tỉnh. Thứ hai, địa thế của vùng nối liền với biển (biển Đông) và núi (dãy Trường Sơn), sau lưng là nước bạn Lào. Đồng bằng ít, núi nhiều, độ dốc lớn, rất khó khăn trong việc phát triển các loại kết cấu hạ tầng, đặc biệt là hạ tầng giao thông. Tuy nhiên, tính theo tỷ lệ chiều dài “biên giới” với diện tích của vùng, tiềm năng “mở cửa – hội nhập” của Bắc Trung Bộ là khá lớn. Thứ ba, đây là vùng có nhiều tài nguyên du lịch đặc sắc và đẳng cấp.

Vùng có nhiều tài nguyên du lịch tự nhiên đẳng cấp cao, thậm chí ở đẳng cấp quốc tế như khu vực hang động Sơn Đoòng – Phong Nha – Kẻ Bàng (Quảng Bình), Núi Bạch Mã, bãi biển Lăng Cô (Thừa Thiên – Huế), rừng quốc gia Vũ Quang (Hà Tĩnh), rừng quốc gia Pù Mát (Nghệ An), thành nhà Hồ, suối Cá thần (Thanh Hóa),... Những đặc sản tự nhiên chỉ có ở vùng Bắc Trung Bộ như gió Lào, vùng Đầm phá Thừa Thiên Huế, các cồn cát trắng Quảng Bình, Quảng Trị,... vốn là những yếu tố gây bất lợi thế cho phát triển du lịch của vùng nhưng hiện nay, đây có thể được coi là tiềm năng lợi thế tuyệt đối để phát triển du lịch đẳng cấp cao.

Tài nguyên văn hóa – lịch sử của vùng cũng khá phong phú. Là nơi tập trung 4 di sản thế giới được UNESCO công nhận, đó là Thành nhà Hồ, Vườn quốc gia Phong Nha – Kẻ Bàng, Quần thể di tích cố đô Huế và Nhã nhạc – âm nhạc cung đình Việt Nam. Nơi đây là quê hương của nhiều danh nhân nổi tiếng Việt Nam như: Hồ Chí Minh, Nguyễn Du, Phan Bội Châu, Trần Phú, Võ Nguyên Giáp, Lê Duẩn,..., các vua nhà Lê, nhà Hồ, nhà Nguyễn, chúa Nguyễn, chúa Trịnh,...; Là nơi tập trung nhiều di tích lịch sử, cách mạng có giá trị như Kinh thành Huế, đường mòn Hồ Chí Minh, địa đạo Vịnh Mốc, nghĩa trang Trường Sơn, căn cứ Cồn Tiên, Thành cổ Quảng Trị,... Nơi đây còn là quê hương của nhiều lễ hội độc đáo như: lễ hội Lam Kinh (Thanh Hóa), lễ hội đèn Cuông (Nghệ An), lễ hội Hòn Chén (Thừa Thiên – Huế); đặc biệt là Festival Huế được tổ chức định kỳ 2 năm một lần đã trở thành một sự kiện văn hóa mang tầm quốc tế được nhiều du khách trong và ngoài nước quan tâm.